

Bản án số: 176/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 13 - 4 - 2021

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Trung.
2. Ông Nguyễn Ngọc Bờ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Châu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 194/2017/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2017 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2021/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị H, sinh năm 1978; địa chỉ cư trú: Số nhà 118, ấp TH, xã TL, huyện TB, tỉnh ĐT (có đơn đề nghị xét xử mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Huỳnh Văn Q, sinh năm 1978; địa chỉ cư trú: Tổ 09, ấp BT, xã BL, huyện CP, tỉnh AG (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12/4/2017, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà Phan Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông Q tự nguyện tiến tới hôn nhân và tổ chức lễ cưới vào năm 1997, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BL ngày 14/6/2010. Ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, dần về sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, đời sống chung không hòa hợp, ông Q không quan tâm chăm sóc gia đình nên vợ chồng ly thân từ tháng 6/2016

cho đến nay. Nay vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu giải quyết cho ly hôn với ông Q.

- Về con chung: Bà H và ông Q có 02 con chung tên Huỳnh Thị Tr, sinh ngày 05/02/1999 và Huỳnh Văn L, sinh ngày 14/10/2000. Hiện các con chung đã thành niên và có khả năng lao động được nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung là quyền sử dụng đất nông nghiệp 05 công tằm cát, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng; 01 xe ba gác; 01 xe gắn máy; 01 tủ lạnh hiệu Samsung. Bà H yêu cầu chia tài sản chung theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, ngày 22/02/2021, bà H có đơn rút yêu cầu về việc chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Tại phiên hòa giải ngày 08/6/2017, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Huỳnh Văn Q trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Q và bà H kết hôn khi ông Q 19 tuổi, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BL. Quá trình chung sống, do bà H nghe lời cha mẹ của bà H nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 6/2015 âm lịch cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà H yêu cầu ly hôn ông Q đồng ý. Tuy nhiên, tại Tờ tường trình ngày 29/3/2021, ông Q có ý kiến không đồng ý ly hôn với bà H.

- Về con chung: Ông Q và bà H có 02 con chung tên Huỳnh Thị Tr, sinh ngày 05/02/1999 và Huỳnh Văn L, sinh ngày 14/10/2000. Cháu Tr đã thành niên và có khả năng lao động được; tùy vào nguyện vọng của con muốn chung sống với ai.

- Về tài sản chung: Không đồng ý chia tài sản chung theo yêu cầu của bà H.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa,

Bà H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, trong đó giữ nguyên yêu cầu giải quyết cho ly hôn với ông Q; cả 02 con chung đã thành niên và có khả năng lao động được. Về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung, không có.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà H ly hôn với ông Q.

- Về con chung: Bà H và ông Q có 02 con chung tên Huỳnh Thị Tr, sinh ngày 05/02/1999 và Huỳnh Văn L, sinh ngày 14/10/2000. Hiện các con chung đã thành niên và có khả năng lao động được, đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa các đương sự về việc ly hôn, bị đơn cư trú tại huyện CP, tỉnh AG nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phan Thị H rút yêu cầu về chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia tài sản chung theo điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.4] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Do hiện nay các đương sự chỉ yêu cầu giải quyết về ly hôn, các con chung đều đã thành niên và có khả năng lao động được nên Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là về việc “Ly hôn”.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Bà H và ông Q tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BL ngày 14/6/2010 nên quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông Q được pháp luật công nhận, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo Luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống, bà H và ông Q có phát sinh mâu thuẫn, đời sống chung không hòa hợp nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành hòa giải để ghi nhận ý kiến, tạo điều kiện cho vợ chồng đoàn tụ nhưng tại phiên hòa giải, cả bà H và ông Q đều muốn ly hôn nên việc hòa giải đoàn tụ không thành; cho đến nay vợ chồng vẫn không thể tự hàn gắn tình cảm.

[2.2] Tại Tờ tường trình ngày 29/3/2021, ông Q có ý kiến không đồng ý ly hôn với bà H. Tuy nhiên, từ khi ly thân đến nay, tình trạng vợ chồng giữa ông Q và bà H vẫn không được cải thiện, không còn khả năng hàn gắn tình cảm vợ

chồng, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống; bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; có nghĩa vụ sống chung với nhau. Tuy nhiên, giữa bà H và ông Q đã không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà H ly hôn với ông Q theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Bà H và ông Q có 02 con chung tên Huỳnh Thị Tr, sinh ngày 05/02/1999 và Huỳnh Văn L, sinh ngày 14/10/2000. Xét, hiện nay các con chung đều đã thành niên và có khả năng lao động được, đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét; trường hợp có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, ông Q khai có 05 công tác cắt đất nông nghiệp đã cầm cố cho người tên Nhung; lúc bà H bệnh thì ông Q có mượn của người tên Liêm số tiền 20.000.000 đồng. Về tiền cầm cố đất cho người tên Nhung, ông Q nhận trách nhiệm trả nhưng không đồng ý chia tài sản. Bà H khai không có nợ chung và không thừa nhận việc ông Q mượn số tiền 20.000.000 đồng. Tòa án đã thông báo về việc cung cấp họ và tên, năm sinh, địa chỉ cụ thể của người tên Nhung và người tên Liêm; tuy nhiên, các đương sự không cung cấp họ và tên, năm sinh, địa chỉ cụ thể của những người này nên Tòa án không đưa họ vào tham gia tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về nợ chung; trường hợp có tranh chấp về nợ chung sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp. Ông Q không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218, Điều 219, Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình 2000; Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Phan Thị H ly hôn với ông Huỳnh Văn Q.

2. Về con chung: Bà H và ông Q có 02 con chung tên Huỳnh Thị Tr, sinh ngày 05/02/1999 và Huỳnh Văn L, sinh ngày 14/10/2000, hiện các con chung đã thành niên và có khả năng lao động được nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H về việc chia tài sản chung. Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phan Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai thu số 0013510 ngày 26 tháng 4 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP, tỉnh AG.

Trả lại cho bà Phan Thị H số tiền 3.660.000đ (Ba triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0013511 ngày 26 tháng 4 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP, tỉnh AG.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Phan Thị H và ông Huỳnh Văn Q có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
 - TAND tỉnh An Giang;
 - VKSND huyện Châu Phú;
 - CCTHADS huyện Châu Phú;
 - UBND xã BL
- (khi có hiệu lực);
- Lưu hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Linh

